

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày 30-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Ông Giang Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát khu vực 4 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T (T1); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà T1, số E L, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đình S - Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ; địa chỉ: Tầng B, tòa nhà T, chung cư H, phường L, thành phố Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền số 562/2025/GUQ-TPB.CM ngày 10/3/2025 của Ngân hàng TMCP T); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị K, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn G, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số F N, phường H, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn M, xã G, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP T trình bày:

Bà Trần Thị K và chồng là ông Nguyễn Văn B đã ký với Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là T1) các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay Kiêm thế chấp xe ô tô số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO. HN.HPG/01 ký ngày 23/10/2020 với số tiền là 730.000.000 (Bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô;

2. Hợp đồng cho vay Kiêm thế chấp xe ô tô số 492/2021/HDTD/TTKD.OTO. HN.HPG/01 ký ngày 18/11/2021 với số tiền là 280.000.000 (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô;

3. Hợp đồng cho vay số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/02 ký ngày 23/10/2020 với số tiền là 9.000.000 (Chín triệu đồng), mục đích vay mua bảo hiểm nhân thọ.

T1 đã giải ngân tiền vay cho bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B tổng số tiền là 1.019.00.000 (Một tỷ không trăm mười chín triệu đồng).

Tài sản đảm bảo khoản vay gồm:

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: TOYOTA FORTUNER, Số Khung MHFJX3GSXK0584441, số máy A6419382TR, BKS; 15A-631.88, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 112169 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 09/10/2020 cho bà Trần Thị K;

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: HYUNDAI GRAND I10, Số K RLUB351CBMN000517, số máy G4LAMM895662, BKS; 15A-795.66, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 15 028731 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 16/9/2021 cho bà Trần Thị K.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 30/12/2025, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B đã thanh toán cho T1 tổng số tiền 882.680.835 đồng (trả gốc: 600.642.849 đồng, lãi: 282.037.986 đồng), cụ thể:

- Đối với Hợp đồng cho vay Kiêm thế chấp xe ô tô số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/01 ký ngày 23/10/2020 bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B đã thanh toán cho T1 tổng số tiền 678.454.797 đồng (trả gốc: 466.434.512 đồng, lãi: 212.020.285 đồng). Ngày vi phạm nghĩa vụ là từ ngày 25/9/2024. Số tiền còn nợ: 312.283.302 đồng; trong đó: Nợ gốc: 263.565.488 đồng, lãi trong hạn: 29.110.112 đồng, lãi quá hạn: 19.607.702 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay Kiêm thế chấp xe ô tô số 492/2021/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/01 Ký ngày 18/11/2021, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B đã thanh toán cho T1 tổng số tiền 195.737.089 đồng (trả gốc: 128.333.337 đồng, lãi: 67.403.752 đồng). Ngày vi phạm nghĩa vụ là từ ngày 25/9/2024. Số tiền còn nợ: 178.317.990 đồng; trong đó: Nợ gốc: 151.666.663 đồng, lãi trong hạn: 18.716.079 đồng, lãi quá hạn: 7.935.248 đồng.

- Đối với Hợp đồng cho vay số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/02 ký ngày 23/10/2020, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B đã thanh toán cho T1 tổng số tiền 8.488.949 đồng (trả gốc: 5.875.000 đồng, lãi: 2.613.949 đồng). Ngày vi phạm nghĩa vụ là từ ngày 25/10/2024. Số tiền còn nợ là: 3.698.669 đồng; bao gồm nợ gốc: 3.125.000 đồng, lãi trong hạn: 358.893 đồng, lãi quá hạn: 214.776 đồng.

Tổng số tiền bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B còn nợ T1 của 03 hợp đồng tính đến ngày 30/12/2025 là: 494.299.961 đồng; trong đó: Nợ gốc: 418.357.151 đồng, lãi trong hạn: 48.185.084 đồng, lãi quá hạn: 27.757.726 đồng.

Ngân hàng TMCP T yêu cầu:

1. Buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B thanh toán ngay cho T1 khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay cùng các khế ước giải ngân/nhận nợ, các văn bản tín dụng khác kèm theo đã ký với T1, với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/12/2025 là: 494.299.961 (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng*); trong đó:

Nợ gốc: 418.357.151 đồng;

Nợ lãi trong hạn: 48.185.084 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 27.757.726 đồng.

Bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B tiếp tục trả các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh của số nợ gốc kể từ ngày 31/12/2025 đến khi trả hết nợ cho T1.

2. Trong trường hợp kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực mà bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho T1 thì T1 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là;

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: TOYOTA FORTUNER, số Khung MHFJX3GSXK0584441, số máy A6419382TR, BKS; 15A-631.88, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 112169 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 09/10/2020 cho bà Trần Thị K;

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: HYUNDAI GRAND I10, Số K RLUB351CBMN000517, số máy G4LAMM895662, BKS; 15A-795.66, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 15 028731 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 16/9/2021 cho bà Trần Thị K.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, bị đơn bà Trần Thị K đều nhất trí với trình bày của nguyên đơn về việc bà và chồng là Nguyễn Văn B có ký 03 hợp đồng tín dụng với T1, về số tiền đã trả và thống nhất về số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn cũng như các yêu cầu khác của Ngân hàng liên quan đến các khoản vay.

Đối với 02 chiếc xe ô tô là tài sản bảo đảm cho khoản vay, Giấy đăng ký xe mang tên bà Trần Thị K, do ông B mang cả hai chiếc xe đi làm ăn nên không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản được, bà K không có ý kiến gì về việc ông B mang xe đi và cam kết khi Ngân hàng có yêu cầu bà sẽ có trách nhiệm đối với tài sản bảo đảm trên.

Ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã ủy thác ghi lời khai đối với ông B. Trong bản tự khai ông B thừa nhận có cùng bà K ký 03 hợp đồng tín dụng với T1, thừa nhận về số tiền còn nợ, ông B đề nghị T1 tạo điều kiện đến cuối năm khi được nhận đền bù dự án sân bay G sẽ trả nợ cho T1, trường hợp không trả được nợ thì đồng ý để T1 phát mại tài sản thế chấp là:

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: TOYOTA FORTUNER, số Khung MHFJX3GSXK0584441, số máy A6419382TR, BKS; 15A-631.88, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 112169 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 09/10/2020 cho bà Trần Thị K;

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: HYUNDAI GRAND I10, Số K RLUB351CBMN000517, số máy G4LMM895662, BKS; 15A-795.66, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 15 028731 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 16/9/2021 cho bà Trần Thị K.

* Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn (ông B) chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét các Hợp đồng tín dụng các bên ký kết đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, quá trình thực hiện bà K và ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn B phải trả cho Ngân hàng T1 tổng số nợ tính đến ngày 30/12/2025 là: 494.299.961 (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng*); trong đó: Nợ gốc: 418.357.151 đồng, lãi trong hạn: 48.185.084 đồng, lãi quá hạn: 27.757.726 đồng.

Bị đơn tiếp tục phải trả tiền lãi quá hạn của khoản tiền gốc từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Về tài sản bảo đảm khoản vay: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, T1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Ngân hàng TMCP T (T1) có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị K và chồng là ông Nguyễn Văn B trả nợ gốc và lãi còn lại theo 03 Hợp đồng tín dụng đã ký kết với mục đích mua xe ô tô và mua bảo hiểm. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Trần Thị K và chồng là ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại địa bàn đặc khu C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Nguyên đơn và bị đơn (bà K) có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/01 ngày 23/10/2020, Hợp đồng tín dụng 492/2021/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/01 ngày 18/11/2021 và Hợp đồng tín dụng số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/02 ngày 23/10/2020 được ký kết giữa Ngân hàng T1 với bà Trần Thị K và chồng là ông Nguyễn Văn B do hai bên tự nguyện, đúng thẩm quyền ký kết và các điều khoản trong hợp đồng đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy các Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, T1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bên cho vay, giải ngân cho bà K, ông B vay đủ số tiền theo Hợp đồng đã ký kết. Bà K và ông B đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy bà K và ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/12/2025, bà K và ông B còn nợ T1 tổng số tiền là: 494.299.961 (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng*); trong đó: Nợ gốc: 418.357.151 đồng, lãi trong hạn: 48.185.084 đồng, lãi quá hạn: 27.757.726 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng T1 khởi kiện buộc bà K, ông B trả nợ số tiền trên và tiếp tục phải trả lãi quá hạn của số tiền gốc còn nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định theo các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản bảo đảm: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER, BKS: 15A-631.88, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 112169 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 09/10/2020 cho bà Trần Thị K và xe ô tô mang nhãn hiệu: HYUNDAI GRAND I10, BKS: 15A-795.66, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 15 028731 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 16/9/2021 cho bà Trần Thị K. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn B mang cả hai chiếc xe theo không hợp tác trong việc xem xét thẩm định hai chiếc xe nên không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ được. Bà K và đại diện ngân hàng cũng không có ý kiến gì. Bà K cam kết trong trường hợp ngân hàng có yêu cầu thi hành thì sẽ có trách nhiệm giao nộp để thi hành án.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 280, 292, 293, 299, 303, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T: Buộc bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng T1 tổng số nợ tính đến ngày 30/12/2025 là 494.299.961 (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm sáu mươi một đồng*); trong đó: Nợ gốc: 418.357.151 đồng, lãi trong hạn: 48.185.084 đồng, lãi quá hạn: 27.757.726 đồng; cụ thể:

- Hợp đồng cho vay Kiêm thế chấp xe ô tô số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/01 ký ngày 23/10/2020: Nợ gốc: 263.565.488 đồng, lãi trong hạn: 29.110.112 đồng, lãi quá hạn: 19.607.702 đồng; tổng cộng: 312.283.302 đồng.

- Hợp đồng cho vay Kiêm thế chấp xe ô tô số 492/2021/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/01 ký ngày 18/11/2021: Nợ gốc: 151.666.663 đồng, lãi trong hạn: 18.716.079 đồng, lãi quá hạn: 7.935.248 đồng; tổng cộng: 178.317.990 đồng.

- Hợp đồng cho vay số 231/2020/HDTD/TTKD.OTO.HN.HPG/02 ký ngày 23/10/2020: nợ gốc: 3.125.000 đồng, lãi trong hạn: 358.893 đồng, lãi quá hạn: 214.776 đồng; tổng cộng: 3.698.669 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ trên thì T1 được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp sau đây để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho T1:

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: TOYOTA FORTUNER, số Khung MHFJX3GSXK0584441, số máy A6419382TR, BKS: 15A-631.88, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 112169 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 09/10/2020 cho bà Trần Thị K;

- 01 Xe ô tô mang nhãn hiệu: HYUNDAI GRAND I10, Số K RLUB351CBMN000517, số máy G4LAMM895662, BKS; 15A-795.66, theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô số 15 028731 do Phòng C - Công an thành phố H cấp ngày 16/9/2021 cho bà Trần Thị K.

Trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm thu được sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu còn thừa sẽ được trả lại cho bà K, ông B, nếu còn thiếu thì bà K, ông B còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả số còn thiếu cho T1; bà K, ông B được quyền ưu tiên mua tài sản khi thực hiện việc xử lý tài sản bảo đảm.

2. Về án phí: Bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn B phải chịu 23.772.000 (*Hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.832.000 (*Mười triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0002201 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4 - HP;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**Nguyễn Văn Hiếu Giang Văn
Thảo**

Trần Văn Hưng

